TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05 / 04 / 2018
V/v Tranh chấp xin ly hôn và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Ông Chau Cương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong.

Trong ngày 05 tháng 04 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2017 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018:

- *Nguyên đơn*: Bà Nèang K, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lôi Văn Đ, là Luật sư Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Chau Sôm A, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Chau S, sinh năm 1970 (có mặt)

Bà Nèang Sóc C, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- *Người phiên dịch*: Ông Lục Tà D, cán bộ Đài truyền thanh huyện Tịnh Biên (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và ý kiến trình bày của Bà Nèang K :

Do quen biết tự tìm hiểu, bà Nèang K với ông Chau Sôm A làm đám

phạt và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống ông Chau Sôm A thường xuyên uống rượu rồi về nhà kiếm chuyện gây gổ, đánh đập bà, đe dọa giết bà, từ đó bà phải ra khỏi nhà, vợ chồng ly thân cho đến nay.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được quyền ly hôn với ông Chau Sôm A.

+ Về con chung: Bà và ông Chau Sôm A chung sống không có con chung.

+ Về tài sản chung: Bà chỉ yêu cầu ông Chau Sôm A phân chia 01 chiếc xe gắn máy hiệu SuZuKi và 01 sợi dây đeo tay 03 chỉ vàng 10, các tài sản nầy hiện do ông Chau Sôm A đang quản lý. Đối với các tài sản khác tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung:Không.

- **Bị đơn ông Chau Sôm A có ý kiến**: Ông cùng thống nhất với ý kiến của bà Nèang K, về hôn nhân giữa ông và bà Nèang K chung sống với nhau năm 2002, không có đăng ký kết hôn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nèang K.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung: Ông thừa nhận hiện nay ông đang quản lý 01 chiếc xe gắn máy hiệu SuZuKi và 01 sợi dây đeo tay 03 chỉ vàng 10. Nhưng ông không đồng ý phân chia cho bà Nèang K, đối với số vàng là 01 sợi dây đeo tay 03 chỉ vàng 10 khi không có việc làm ông đã bán tiêu xài hết.

+ Về nợ chung: không có.

- Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Chau Sươn trình bày: Vợ chồng ông có nhận cầm cố đất của vợ chồng ông Chau Sôm An, bà Nèang Kên là 12 chỉ vàng 24kara, thời gian cầm cố 03 năm, hiện nay cũng đã hết hạn, vợ chồng ông đồng ý trả lại 12 chỉ vàng 24kara cầm cố đất cho vợ chồng ông Chau Sôm An, bà Nèang Kên .

+ Bà Nèang Sóc Chênh đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, nên không có lời trình bày.

- Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích cho nguyên đơn:

+ Bà Neàng K có hai yêu cầu:

* Yêu cầu ly hôn với ông Chau Sôm A.

* Yêu cầu chia tài sản chung là một chiếc xe Suzuki và 03 chỉ vàng 10 tuổi.

Về hôn nhân do bà Neàng K và ông Chau Sôm A không đăng ký kết hôn nên đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về tài sản chung bà Neàng K chỉ yêu cầu ông Chau Sôm A phân chia

một chiếc xe Suzuki và 03 chỉ vàng 10 tuổi là có phần nhân nhượng và chính đáng, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu này của bà Neàng K.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo qui định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo qui định tại các điều 70,71,72,73 điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân các bên đã thống nhất, tuy nhiên do ông Chau Sôm A, bà Nèang K không có đăng ký kết hôn, nên đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Chau Sôm A, bà Nèang K. Đối với tài sản chung gồm có 01 chiếc xe gắn máy hiệu SuZuKi và 01 sợi dây đeo tay 03 chỉ vàng 24 kra, nên được xác định đây là tài sản chung của vợ chồng và phải được phân chia theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang và yêu cầu khởi kiện được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án huyện Tịnh Biên thụ lý và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và chia tài sản khi ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặt khác, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nèang Sóc C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Chau Sôm A, bà Nèang K tự nguyện sống chung từ năm 2002, có tổ chức đám phạt nhưng hai bên không đăng ký kết hôn . Do phát sinh mâu thuẫn nên cả hai đã ly thân với nhau và bà Nèang K có yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng, tuy ông Chau Sôm A cũng đồng ý, nhưng do ông, bà khi chung sống đã không đăng ký kết hôn theo đúng quy định nên không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Vì vậy căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 03/01/2001 của TANDTC-

VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 thì không công nhận ông Chau Sôm A, bà Nèang K là vợ chồng.

- Về con chung: Ông Chau Sôm A, bà Nèang K không có con chung .

- Về tài sản chung:

Theo các bên xác định tài sản trong thời kỳ chung sống gồm có: 12 chỉ vàng 24 kara cố đất cho ông Chau S, bà Nèang Sóc C; 01 chiếc xe gắn máy hiệu SuZuKi và 01 sợi dây đeo tay 03 chỉ vàng 24 kra, tuy nhiên bà Nèang K chỉ yêu cầu phân chia 01 chiếc xe gắn máy hiệu SuZuKi và 01 sợi dây đeo tay 03 chỉ vàng do ông Chau Sôm A đang quản lý, đối với số vàng 12 chỉ vàng 24 kara cố đất cho ông Chau S, bà Nèang Sóc C bà không yêu cầu phân chia, bà sẽ tự thỏa thuận riêng với ông Chau Sôm A, ông Chau S, bà Nèang Sóc C. Tuy ông Chau Sôm A không đồng ý phân chia, nhưng xét thấy đây là số tài sản mà ông Chau Sôm A cùng bà Nèang K tạo lập được trong quá trình chung sống, nên được xem là tài sản chung và phải được phân chia theo pháp luật quy định. Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 24/01/2018 thì các bên thống nhất 01 chiếc xe gắn máy hiệu SuZuKi biển số 67F1-135.57 có giá trị là 12.000.000đ.

Do đó, tài sản chung của Ông Chau Sôm A, bà Nèang K trong thời kỳ chung sống được xác định là 01 chiếc xe gắn máy hiệu SuZuKi biển số 67F1-135.57 có giá trị là 12.000.000đ và 03 chỉ vàng 24 kra, được chia đôi cho các bên, hiện ông Chau Sôm A đang quản lý số tài sản nầy nên phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nèang K 6.000.000đ và 1,5 chỉ vàng 24 kra.

- Về chi phí định giá: Bà Nèang K đã tạm ứng chí phí định giá là 500.000đ. Do yêu cầu của nguyên đơn được giải quyết chia đôi tài sản, nên ông Chau Sôm A, bà Nèang K mỗi người chịu ½ chi phí, Bà Nèang K đã tạm ứng, nên ông Chau Sôm A có trách nhiệm trả lại cho Bà Nèang K 250.000đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Nèang K phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo mức không giá ngạch và án phí có giá ngạch về chia tài sản.

Ông Chau Sôm A phải chịu án phí có giá ngạch về chia tài sản .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9 ,Điều 14, khỏan 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1, 2, 4 Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165 khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 03/01/2001 của TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành Nghị quyết

số 35/2000/NQ-QH10; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nèang K.

Tuyên bố:

- Không công nhận bà Nèang K và ông Chau Sôm A là vợ chồng

- Về con chung: không

- Về tài sản chung: Ông Chau Sôm A được quyền sở hữu 01 chiếc xe gắn máy hiệu SuZuKi biển số 67F1-135.57 và 01 sợi dây đeo tay 03 chỉ vàng 24 kra, ông phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Nèang K số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và 1,5 chỉ vàng 24 kra (một chỉ năm phân vàng).

- Về nợ chung: Không có.

- Về chi phí định giá: Ông Chau Sôm A phải trả lại cho bà Nèang K số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nèang K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền án phí dân sự trong vụ án ly hôn và 450.000 đồng án phí phần tài sản chung được chia. Tổng cộng 750.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 3.837.000 đồng theo 02 biên lai thu số TU/2015/0015618; số TU/2015/0015619 cùng ngày 10/5/2017 do bà Nèang K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Ông Chau Sôm A phải chịu 450.000 đồng án phí phần tài sản chung được chia.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tấn Tài

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã (thị trấn) nơi cư trú của Đ/S;
- Lưu HS & VP.